TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 421/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoàng Hoa

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 290/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 2001 (xin vắng);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Trần Tuấn C**, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh C và là vợ chồng, cưới nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T vào ngày 18/12/2023. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/02/2024. Hiện cháu Như Y đang sống với chị T, chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 02/8/2024 chị T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, giữ nguyên đối với các yêu cầu còn lại.

Bị đơn anh Trần Tuấn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T. Về hôn nhân: cho chị T được ly hôn với anh C, về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/02/2024 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Ly hôn"* được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Tuấn C có nơi cư trú tại Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh T nên căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo;

[1.2] Sự có mặt, vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị cẩm T và anh Trần Tuấn C theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị T và anh C và là vợ chồng, cưới nhau năm 2023, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang vào ngày 18/12/2023. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn. Hiện cuộc sống tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn anh C.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C nhưng không xác định được tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C vì anh, chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở.

Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy anh C không có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của đương sự thì giữa chị T và anh C có 01 con chung là Trần Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/02/2024. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T là có cơ sở, bởi lẽ cháu Như Y đã sống với chị T từ trước cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống của con đã ổn định về chỗ ở, về điều kiện sinh hoạt. Phía anh C không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Như Ý cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được, nhưng tại phiên hòa giải ngày 02/8/2024, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị T là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 147, Điều 220, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Trần Tuấn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Nguyễn Như Y, sinh ngày 07/02/2024 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Trần Tuấn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Tuấn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007678 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Hòa Định;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Lĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**